

TÔ-NGỌC

TRẢ THÙ



TRẢ THÙ

TÔ-NGỌC

VÀI HÀNG TIỂU SỬ

Tô Ngọc sinh năm 1935 tại Việt Nam. Chính thức vào nghề viết năm 1959 tại Sài Gòn, trên tuần báo Văn Nghệ Tiền Phong và nhật báo Ngôn Luận.

Ba nhà báo kỳ cựu : Hồ Anh, Tử Vi Lang và Thái Linh là những người đầu tiên hướng dẫn ông vào ngành truyền thông.

Năm 1964 ông là biên tập viên nhật báo Chính Luận.

Ngoài phần tin tức, văn nghệ, ông còn phụ trách trang Mai Bê Bi dành cho các em thiếu nhi, cho đến ngày 30.4.1975.

Năm 1965 làm Thư ký tòa soạn tuần báo Chọn Lọc.

Năm 1973: ông giữ chức vụ Tổng thư Ký Nghiệp đoàn Ký giả Việt Nam, hoạt động liên tục cho đến khi Việt Cộng cưỡng chiếm Miền Nam năm 1975.

Phía cộng sản đánh giá ông là tay sai đế quốc Mỹ cài cắm trong giới văn

nghệ sĩ miền Nam Việt Nam, đã bắt ông bỏ tù gần 12 năm, từ ngày 6.4.1976 đến ngày 9.9.1987 mới thả.

Ông đã qua các trại: T.20 (Gia Định), Gia Trung (Pleiku 1977), và Z.30D (Hàm Tân 1985).

Là người yêu nghề, ông luôn coi mình là một nhà báo thuần túy, mặc dầu ngoài lãnh vực săn tin, viết tin, bình luận, sưu tầm, làm phóng sự, tường thuật v. v... của ngành truyền thông ông còn viết khá nhiều tiểu thuyết với những tình tiết, kỹ thuật thật mở như một nhà văn chuyên

ngiệp, đăng thường xuyên trên 4-5 tờ báo Saigon trước 1975 với các nội dung: tình yêu, xã hội, dã sử, phóng sự, kinh dị, nhi đồng...

Một số tác phẩm đã xuất bản, nhưng còn nhiều cuốn tuy đã hoàn tất đăng trên báo nhưng chưa có phương tiện ra mắt độc giả.

Các tác phẩm đã xuất bản: Bâng khuâng (truyện dài, Gió Nam 1963); Kỹ thuật lấy chồng (Gió Nam 1965); Quỷ sống ăn người, Ma sói rừng thiêng, Hầm giết người (Chọn Lọc 1967- 68). Riêng cuốn Hầm Giết người đã được tái

*bản tại Mỹ giữa thập niên 1980 khi tác
giả còn đang bị giam giữ tại quê nhà.*

Ông định cư tại Hoa Kỳ từ
16.9.1993, diện H.O.

Hiện sống tại Sacramento với gia
đình.

CHÍNH VĂN

TR U Y Ê N xảy ra vào cuối năm 1941...

Tại huyện Kim-Động có một làng nhỏ nằm trên quốc lộ từ Hà-Nội đi Hưng-Yên. Làng này lừng danh khắp tỉnh về nghề nấu rượu. Đó là làng Trương Xá. Rượu Trương Xá bao giờ cũng thơm, ngon, ai nấy đều chuộng. Theo lời các cụ kể lại thì làng này có một phương pháp nấu rượu rất tài tình, dường như xưa kia có một vị quan đi sứ bên Tàu, học được nghề ủ men đặc biệt của vùng Thiểm Tây... Nghề nấu rượu được cha truyền con nối từ mấy trăm năm nay.

Mà quả như vậy, dân trong làng chỉ truyền nghề nấu rượu lại cho con trai, con gái chỉ phụ dịch các việc lật vật mà thôi... Người con trai được bí truyền về cách thức ủ men, một loại men riêng biệt do người trong làng tự chế bằng một số các vị thuốc bắc. Khi người con trai lớn lên, lập gia đình, thì chính người vợ cũng không được chồng chỉ vẽ.

Dường như người con trai khi được dạy cho cách ủ men rượu, đã phải thề giữ bí mật tuyệt đối. Sở dĩ có sự cẩn thận như vậy là vì người làng Trương Xá sợ truyền cho con gái,

con gái lấy chồng làng khác sẽ đem nghề đi. Nàng dâu cũng không được truyền nghề, vì sợ nàng dâu xích mích với mẹ chồng, hoặc chồng chết trở về nhà mẹ, thì Trương Xá sẽ không còn giữ thế được độc quyền nghề nấu rượu.

Trong làng dĩ nhiên cũng có người làm ruộng, nhưng họ chỉ cấy một số thóc tẻ để ăn mà thôi, còn thì rất thóc nếp... Một thứ thóc nếp được chọn lựa kỹ trước khi gieo mạ. Thóc nếp phải gặt đúng lúc, không non quá mà cũng không già quá. Có được điều kiện đó thì rượu nấu ra mới tốt hảo.

Dân làng Trương Xá nấu rượu, gái làng thường gánh rượu đem bán các vùng lân cận. Rượu chứa trong những chiếc bong bóng trâu, cổ buộc một khúc ống tre làm miệng rót. Mỗi khi có người mua đem chai ra cho cô hàng chuyển rượu sang, bao giờ cô hàng cũng trả lại chiếc nút, dù là nút tốt và đẹp như nút rượu tây... Có hỏi, cô hàng chỉ cười và lấy ra một nắm lá chuối khô, bện lại làm nút rồi đập vào cho khách mua... Sau này người ta mới biết: rượu nút bằng lá chuối khô không bị mất hương vị. Dân

Trương Xá thật cẩn thận hết chỗ nói!

Dân Trương-Xá ít đem rượu tới các tỉnh xa bán, vì neo người, một phần khác vì thời bấy giờ người Pháp cấm bán rượu lậu. Ai nấu rượu lậu bị tù đã đành, mà ai có ruộng chẳng may bị người ngoài đem bã (hèm) rượu chôn vào cũng bị tù luôn. Chỉ có một loại rượu được độc quyền bán cho dân chúng là rượu Phong Ten... Mỗi làng, lý trưởng phải bảo lãnh với ty rượu sẽ tiêu thụ bao nhiêu chai nhất định. Dân chúng không uống không được.

Rượu Ty (Phong Ten) dĩ nhiên không thể ngon bằng thứ rượu mà dân Trương-Xá nấu, vì phẩm chất đã kém, hương vị lại không ra gì. Thành ra những người buôn rượu Ty trong làng phải nói khó người ta mới dùng cho. Hoặc có chủ ty rượu lưu manh tìm cách báo lính tới bắt những người nấu rượu lậu cạnh tranh với mình. Cái lý do bắt rượu lậu thật là buồn cười: nhà ông X có mấy mẫu ruộng mãi ở làng bên, cách xa vài ba cây số vô phúc có kẻ tư thù ban đêm đem bã rượu chôn vào đấy, mai lính đoan tới khám, là ông X đi tù! Lẽ dĩ nhiên người Pháp biết là lỗi

bịch, nhưng họ cứ mặc kệ! Anh nào không uống rượu ty mà uống rượu lậu, đoán bắt được là cứ ề cổ mà chịu tù!

Cũng như hầu hết các làng, làng Trương-Xá cũng có một ông đứng môn bài bán rượu Phong Ten cho chính phủ. Đó là ông Quản Bằng.

Năm 1941, ông Quảng Bằng mới ngoài bốn mươi. Ông là người khỏe mạnh, da dẻ lúc nào cũng hồng hào... Trước kia ông đi lính khổ đở, nhờ khéo luôn lọt, ông đã tới chức ách-du-đăng. Sau này vì vụ vây bắt các chiến sĩ Việt-Nam Quốc-Dân-Đảng ở Yên-Báy, ông bị bắn vào chân đâm khắp khểnh. Thế là ông giải ngũ về làng.

Đối với dân làng, ông Quản Bằng cũng là một nhân vật có chức phận. Vào những ngày lễ, ông Quản thường được mời dự và được ngồi chiếu cạp điều với các đàn anh vai vế.

Ông Quản Bằng nhà cũng khá giả, ông có lồi chừng hai chục mẫu ruộng thượng đẳng điền và trồng toàn lúa nếp để nấu rượu như mọi người. Nhưng ông Quản khôn ngoan ở chỗ ông

xin chính phủ Pháp môn bài bán rượu Phong Ten trong làng để che mắt thiên hạ.

Vốn có nghề nấu rượu lậu trong tay, nên ông Quản dễ dàng làm công việc bán rượu lậu. Nhưng đặc biệt là mặc dù nhận bán mỗi hàng tháng chục két rượu, ấy thế mà làng Trương-Xá quanh năm ngày tháng vẫn không phải uống một giọt rượu Phong Ten. Sau này, khi sự việc đã phanh phui, người ta mới biết ông Quản đã pha thêm rượu ngang (tức rượu do người làng nấu) vào rượu Phong Ten rồi đem đi tiêu thụ ở nơi khác. Nhờ được pha chế thêm, thứ rượu Phong Ten đó cũng không đến nỗi quá dở, thành ra bán vẫn chạy.

Cả làng Trương Xá đều nấu rượu lậu bán ngoài ra. Đi gần thì có con gái làng. Đi xa, thì có dân Nội Viện Thất Viện. Dân Nội Viện Thất Viện xưa nay vốn nổi tiếng gan cóc tía, hầu hết người làng đều giỏi nghề buôn lậu, qua mặt lính đoan và phủ lít như chơi... Họ rất kín miệng và có tinh thần tương trợ, nên dù bị bắt cũng không ai khai. Vợ con kẻ bị bắt ở nhà được dân làng cứu mang, thành ra không ai phản ai, dù bị tra

tần thế nào... Dân Nội Viên Thất Viên đem rượu lên các tỉnh xa bán. Họ chính là một trong số những khách hàng tiêu thụ cho làng Trương-Xá vậy.

Ông Quản Bằng có hai vợ, người vợ cả hơn ông tới bảy tám tuổi, lại phải làm việc nhiều, trông coi việc đồng áng, nên càng ngày trông bà ta càng già, đến nỗi đi tay đôi với ông Quản có kẻ xấu miệng xấu mồm bảo bà ta là mẹ đẻ ra ông Quản!

Lấy nhau được hơn hai chục năm, bà vợ cả sinh có nổi một mụn con gái rồi tịt luôn. Khi đứa con 15 tuổi thì bà vợ mắc bạo bệnh rồi chết. Ông Quản để tang vợ đúng 27 tháng mới tục truyền.

Người vợ kế là một thiếu nữ còn trẻ, người làng bên. Sở dĩ có cuộc hôn nhân này là vì thiếu nữ đó thường hay sang bên Trương Xá mua rượu đem về bán. Ông Quản Bằng chuyện trò tần mẫn, rút cục hai người phải lòng nhau, cô kia có bầu ba tháng rồi mới về nhà chồng.

Bà Quản hai trẻ người, lại đẹp hơn hớ nên mặc dù có chồng mà vẫn được các trai làng

nhòm ngó. Những lúc bà Quản đi chợ Địa một ngôi chợ nhỏ trong vùng, cách Trương Xá chừng vài cây số thì bọn trai làng thường theo sau ve vãn. Bà Quản vốn là người đa tình nên cũng không tỏ vẻ khó chịu. Tuy nhiên, chỉ đầu mày cuối mắt thế thôi, chứ bà Quản cũng không dám nhân tình nhân nghĩa với ai ở trong làng, vì sợ oai ông Quản.

Thật thế, từ khi lấy bà vợ trẻ, ông Quân bỗng dung thay đổi tính nết. Ông thường nhòm ngó những việc xung quanh, dò xét hành vi của vợ và bọn con trai trong làng. Ông thừa biết vợ ông đẹp, phốp pháp... sẽ là miếng mồi ngon cho bọn thanh niên, mà ông thì... già rồi! Thật cay đắng!

Bà Quản lấy chồng được hơn sáu tháng thì đẻ một thằng cu khỏe mạnh. Ông Quân cưng con như vàng. Cũng năm đó ông gả chồng cho đứa con gái độc nhất con người vợ cả. Cái Tẹo, con gái ông Quản, lấy chồng người làng, chỉ cách nhà có cái ao rau muống và một con đường đất sống trâu khúc khuỷu. Chồng cái Tẹo có một người cô họ lấy chồng người làng Đái-Khê, tục

gọi là làng Giải. Bà cô chồng của cái Tạo đã chết, còn người dượng kia thì bỏ làng lên tỉnh làm ăn.

Người dượng, tục gọi là ông Đội Phú-Lít, vì ông ta làm đội cảnh sát ở Hà nội. Hôm đám cưới, ông Đội Phú-Lít từ Hà nội thân hành về ăn cưới đưa cháu vợ... Và tại đây ông Đội đã ngắm được cái nhan sắc mỹ miều của bà Quản.

Bà Quản thấy ông Đội Phú-Lít, năm đó ngoài ba mươi, ăn mặc rất bảnh bao, đúng một tân-thời, miệng lại ngậm píp phì phèo, rõ là người phong-lưu công tử, thì trong lòng vô cùng xao xuyến... Ông Đội Phú-Lít nhìn đôi mắt lá dăm của bà Quản thì khẽ mỉm cười gật đầu chào. Bà Quản luống cuống, hai má đỏ lên. Sự việc đó xảy ra rất nhanh chóng, khi ông Đội gặp bà Quản đang ngồi vật lông con gà trống để làm com thết khách. Hôm đó ông Đội cũng được mời ăn, có cả mặt vợ chồng đưa cháu vợ và mấy ông vai vế trong làng Trương-Xá.

Trong bữa com, ông Đội không quên tả chuyện Hà-Nội cho mọi người nghe. Ông Đội nói rất nhiều về những vị quan Tây trong ngành,

và trong khi cao hứng ông khoe ông được quan Tây mời đi đánh te-nít trong thành, rồi được mời đi nhảy đầm ở trong dinh các quan lớn. Mục đích của ông Đội là khoe với bà Quản về con người ông: đầy thế lực và tài hoa...

Quả nhiên chiến thuật đó của ông Đội có công hiệu. Bà Quản trong khi đứng sới cơm, bung đồ ăn cho chồng và khách, đã để hết tâm trí vào câu chuyện Hà Nội của ông Đội. Thỉnh thoảng bà lại liếc nhìn ông Đội bằng đôi mắt chứa chan cảm phục... Đột nhiên bà Quản vụt so sánh: Ông Đội thì trẻ trung, hào hoa phong nhã, lịch duyệt, thì trong khi đó ông Quản mặc dù cũng là người khôn ngoan nhưng phần vì đã già, phần thì đúng là dân dùi đục chấm mắm cáy, cục súc vũ phu, không biết chiều vợ tý nào... Càng nghĩ bà Quản càng thấy mình lấy ông Quản là đại. Chính bà tự hỏi không hiểu vì sao bà lại để cho ông Quản ve vãn mình đến nỗi có thai với ông... Chẳng phải là một nhà tâm lý, ta cũng có thể biết là ở trong làng Trương-Xá ông Quản là người có vai có vế, gia cư lại giàu có. Tiền bạc và danh vọng của ông Quản đã đánh mờ hết những chi tiết xấu xí khác: chẳng hạn như chân

đi khắp khếnh, trán hói nên trông già trước tuổi. Ông Quản chỉ được mỗi cái “khỏe”. Ông làm việc suốt ngày, đêm thức khuya, sáng dậy sớm... Thế mà quanh năm ông không mất một xu tiền thuốc. Ngoài ra, từ khi lấy bà Quản hai về, ông không còn chiều vợ như lúc còn là nhân tình. Ông hay bắt ne bắt nạt vợ, nói cho đúng ra thì là ông ghen, vì vợ ông đẹp mơn mớn...

Ông Đội nhìn tình trạng biết cá đã cắn câu. Nhưng vốn là người sống ở thị thành, ông không vội tấn công ngay. Dù thế nào chẳng nữa cũng còn có mặt cháu dâu ông ở đây, ông tính chuyện ong bướm với bà Quản ngay không tiện.

Về phần ông Quản thì không hề nghi ngờ gì hết. Một phần ông nghĩ ông Đội là người sống ở tỉnh thành, hay ít ra thì cũng là người được nhiễm những tính tốt của tỉnh thành, không bao giờ lại có ý nghĩ tòm tem một người đàn bà nhà quê đã có chồng. Một phần khác ông Đội là dựng của con rể ông, cũng là chỗ quen biết cả, tất không có chuyện tắt mắt... Phải, ai lại nữ làm những chuyện bỉ ổi như thế bao giờ! Ông Đội người làng khác, chỉ sang bên này ăn cưới đưa

cháu vợ rồi lên Hà-Nội ngay thời giờ đâu mà tán vợ ông? Nếu ông Quản có lo, là lo mấy thằng con trai trong làng kia. Nhất là thằng Ba-Thập xưa vẫn nổi tiếng là mèo chuột, lại hay nhập bọn với các tay làng chơi khác, ban đêm bôi nhọ nôi vào mặt rồi đi ăn cướp. Thế nên ông Quản tiếp đón ông Đội một cách vô cùng niềm nở. Hai người đều là người của “nhà nước bảo hộ”, họ dễ thông cảm với nhau trong nhiều vấn đề...

Chính ông Đội hôm chia tay có mời ông Quản khi nào rảnh lên Hà nội chơi, và ông Đội sẽ đóng vai khổ chủ mời ông Quản đi hát cô đầu... Ông Quản vốn là tay nghiện hát cô đầu, nghe ông Đội tả giọng hát mê hồn của chị em cô Bốn, cô Năm cũng đã thấy thèm...

oOo

Sau bữa rượu ở nhà ông Quản, ông Đội về Hà-Nội. Nhưng trước khi về, ông Đội đã tìm cách gặp riêng bà Quản tại ngôi miếu nhỏ ở ngoài làng. Tại đây có một cây đa cành lá xum xê, lại nằm giữa đồng không mông quạnh. Thật ra thì cuộc gặp gỡ này không do ông Đội hẹn hò mà chỉ là một việc ngẫu nhiên. Cái Tẹo, cháu

dâu ông Đội, về nói chuyện với chồng là sáng hôm sau bà Quản sẽ mang đôi gà thiến và một thúng gạo về quê ngoại góp giỗ. Bà Quản vốn người làng Cốc-Khê, ông Đội lại biết rõ đường đi nước bước trong vùng nên đoán chắc thế nào bà Quản cũng phải đi qua chiếc miếu giữa đồng. Thế là ngay từ tinh mơ, ông Đội đã khăn áo chỉnh tề chờ bà Quản ở miếu. Quả nhiên hai người gặp nhau ở đây.

Thật là dịp ngàn năm một thuở. Ban đầu bà Quản còn then thò, nhưng sau, trước những lời ve vãn bay bướm của ông Đội, bà Quản siêu lòng ... Là người đa tình, nên mới chỉ là lần đầu tiên tiếp xúc với nhau mà bà Quản đã để cho ông Đội có những cử chỉ vô cùng xuống xã.

Hôm ấy mãi tới xế trưa bà Quản mới về đến Cốc-Khê.

Khi bà Quản ra khỏi chiếc miếu hoang thì trời bắt đầu mưa bụi. Ông Đội nhìn bà Quản nhún nhảy đội thúng gạo đi mau trên con đường nhấp nhô, tới khi chỉ còn là một vệt nhỏ không nhận rõ ra hình người, mới chống ba toong trở lên đường cái đợi xe đi Hà Nội.

Ở Hà Nội chừng nửa tháng, hình dáng kiêu diễm của bà Quản lúc nào cũng thúc dục ông Đội, nên ông Đội lại xin phép ông Chánh Chăm cho nghỉ phép bò về làng... Lẽ dĩ nhiên nhân dịp này ông lại sang thăm vợ chồng đưa cháu vợ, và sang thăm cả ông Quản để nói chuyện về tình hình quốc tế, nhất là bàn về cuộc chiến tranh giữa nước Đức và các nước bên Âu châu. Lúc ra về, chính bà Quản thân hành dành lấy việc cầm gậy coi chó cho ông Đội đi.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, ông Đội chỉ kịp nói nhanh:

- Tờ rờ (sáng tinh mơ) mai, chỗ cũ nhé!

Bà Quản vội nhắm đôi mắt lại để trả lời là bà bằng lòng. Liền lúc đó ông Quản ở trong nhà chạy vội ra gọi với ông Đội dặn chiều mai đi ăn thịt chó ở Cốc-Ngang. Đó là một làng nằm ven quốc lộ, nổi tiếng có nhiều hàng thịt chó và canh bánh đa ngon...

Sớm tinh mơ hôm sau, bà Quản y hẹn. Bà tạ sự từ đêm trước là phải về nhà bố mẹ có việc cần. Ông Quản không nghi ngờ gì hết. Trai gái thường chỉ hẹn hò nhau vào lúc đêm tối, chứ ai

lại hện hò vào lúc tỉnh mơ, nhất là vào cái mùa rét đến nứt da nứt thịt này! Hôm ấy bà Quan lại cùng với ông Đội chuyện trò to nhỏ, ôm ấp hôn hít nhau cho bỏ nửa tháng trời xa vắng!

Điều làm cho ông Quản lấy làm lạ, là trong những ngày ông Đội ở trú tại Trương-Xá, trong nhà vợ chồng đưa con trẻ, thì bà Quản chịu khó về Cốc-Khê lắm. Lúc đầu ông cũng không nghi ngờ, nhưng một hôm cái Tạo vô tình nói chuyện với bố là đạo này ông Đội hay dậy sớm không biết đi đâu. Nó thì đoán là ông Đội nhận được chỉ thị của nhà nước phải đi dò xét bọn hội kín ở vùng này. Nhưng ông Quản, sau khi ráp lại những hành động của vợ và của ông Đội, tự nhiên ông thấy nó phù hợp một cách khác thường...

Ông Quản vốn người chín chắn, ông không vội làm toáng lên... Trái lại, ông lặng lẽ hành động một mình.

Vào một buổi sáng, bà Quản cấp giỏ đi chợ Địa, liền bị ông Quản bí mật theo dõi ngay.

Đi chợ Địa thì cách tốt nhất là đi theo đường cái rải nhựa, vừa sạch vừa gần. Nhưng bà

Quản lại không đi theo con đường đông người và xe cộ ấy. Bà xuống đường đồng đầy những chỗ lồi. Địa thế vùng này ông Quản thuộc nằm lòng, nên ông nghĩ ngay tới chiếc miếu bỏ hoang từ mấy chục năm nay... Chiếc miếu bây giờ là chỗ nghỉ chân của những người đi đường và bọn trẻ chăn trâu.

Sẵn có chủ định, ông Quản liền vào trong nhà, mở chiếc tủ nhỏ mà ông cất giữ những món đồ quý giá trong thời kỳ ông đi lính, lấy ra một chiếc ống nhòm... Xong xuôi, ông đội nón mặc quần áo đi theo bà Quản. Tới một gò đất cao, trông thẳng về phía chiếc miếu, ông dương ống nhòm lên quan sát. Quả nhiên ông thấy ngay một người đang đứng chống ba-toong. Người đó ông Quản không thể làm với bất cứ ai: chính là ông Đội Phú-Lít.

Máu ông Quản sôi lên sùng sục. Ông tính đem khẩu súng bắn chim ra hạ sát đôi gian phu dâm phụ, nhưng sau nghĩ lại ông lại thôi.

Ông lầm bầm một mình:

- Thôi, cho chúng mày hú hý hết ngày hôm nay... Ngày mai ta sẽ trị!

Ông Quán trở về nhà, nét đau khổ hiện rõ trên khuôn mặt phong trần của ông. Càng nghĩ, ông càng thương đứa con mới đẻ, và ông cảm thấy mình không có quyền giết vợ, vì con ông cần có mẹ. Ông chán đời về nhà đem rượu ra uống.

Trong nhà ông Quán có một hòm rượu gồm nhiều chum lớn. Ngoài Bắc người ta gọi những chiếc chum cao hơn đầu người, có thể chứa vài ba thước khối nước trở lên, là chiếc kiệu. Những nơi làm đường cũng thường dùng những chiếc kiệu lớn để chứa mật.

Trong số các chum lớn dưới hòm, có một chum chứa một loại rượu tuyệt hảo do đích thân ông Quán chế, chỉ dùng để thết khách và uống riêng, chứ không bán. Đó là thứ rượu nước cốt. Rượu trong vắt không một vết gợn, uống ngọt lịm và thơm phức. Hòm rượu này rất kiên cố, chỉ những người thân thích trong nhà mới biết mà thôi.

Lối vào căn hòm này là một cửa nhỏ đặt ở trong nhà thờ tồ. Những chiếc chum lớn được khuôn xuống hòm từ lâu, sau này ông Quán mới

xây lại, chỉ để chứa một cira vira một người đi mà thôi. Một cầu thang bằng gỗ dẫn từ trên xuống, cạnh cầu thang có một chiếc đèn pin để khi xuống soi sáng. Thời bấy giờ đèn pin khá mắc tiền, nhưng ông Quản không ngại tốn kém nhất định dùng pin chứ không dùng đèn dầu. Đây là một việc hết sức tế nhị của ông Quản: ông sợ hơi rượu bốc lên, gặp lửa có thể nổ bùng.

Bên trên cửa hầm, ông cho xây một hương án bằng gạch. Hai bên hương án đều có cửa đóng. Ông giải một tấm liếp bằng tre lên cửa hầm rồi để những đồ vật vĩnh như nắm đóm gói hương, gói trầm... Trong nhà tuy nhiều người, nhưng không ai biết căn hầm ấy, trừ ông Quản. Bí mật này được giữ tuyệt đối.

Thật ra thì căn hầm ấy do bố ông Quản xây. Ông Cai-Rượu (bố ông Quản) trước kia có chân trong đạo-binh Bãi-Sậy của cụ Nguyễn-Thiện-Thuật. Đó là hầm giấu vũ khí và những nhà cách mạng yêu nước. Sau này quân Bãi-Sậy tan, ông Cai Rượu chết, ông Quản mới tự tay sửa chữa lại thành hầm rượu.

Ông Quản vừa ngồi uống rượu vừa nhìn

đứa con mới đẻ có mấy tháng mà lòng quần đau. Đứa con trai độc nhất của ông nằm trên võng ngủ ngon lành. Nó không biết gì đến cái thảm cảnh xảy ra tại ngôi nhà này.

Trưa hôm ấy bà Quản đi chợ về, mặt mũi có vẻ tươi tỉnh... Chả là vì ông Đội trong buổi ăn ái hôm đó, đã hứa hẹn với bà Quản là sẽ tìm cách đón bà lên Hà-Nội chung sống. Bà Quản nghĩ: “Phải, tội gì mà phải sống với cái lão Quản vừa già vừa bần tính ấy!”. Khi còn con gái, bà Quản đã có lần ra Hà-Nội cất hàng mang về làng bán. Người Hà-Nội đẹp, cảnh Hà-Nội xinh. Tất cả những hình ảnh tươi vui của Hà-Nội ba mươi sáu phố phường như quay cuồng trước mắt bà Quản, một thiếu nữ mới ngoài hai chục tuổi đầu...

Trong một phút ngắn ngủi, bà Quản chợt nghĩ đến con... Bà có hơi thương con, nhưng bà cũng chẳng phải lo gì tới đứa con bé bỏng ấy, vì đã có ông Quản. Nó là con trai, nối dõi tông đường, ông Quản phải chăm nom săn sóc nó... Còn bà, bà còn trẻ, bà phải lập lại cuộc đời đầy sáng lạng với ông Đội, là người bà hằng yêu

kính...

Về phần ông Đội, chẳng hiểu ông có thành thật muốn lấy bà Quân không thì không rõ, song có điều là ông hứa hẹn với bà đủ thứ. Ông cũng cho bà những kỷ niệm đáng giá, như chiếc nhẫn mặt ngọc xanh, thỏi sáp son, hộp phấn thơm v.v... Và bà Quân đón nhận những thứ đó với tất cả niềm hân hoan của một thiếu nữ mới vào đời...

Ông Quân càng nghĩ càng cảm gan tím ruột, nhưng ông lại không dám nói ra. Xưa nay trong làng ông vốn là tay vai vế đàn anh, nay nhất đán bị một thằng làng khác đến căm sừng lên đầu ông, dân trong làng biết chuyện sẽ cười ủng mỗ ủng mã! Những thằng con con trai trong làng, như thằng Ba-Thập nó sẽ coi ông không bằng giẻ rách, vì từ hôm cưới bà Quân hai về ông vẫn thường ngồi uống rượu chửi đồng những thằng vô công rồi nghề, những thằng ba que xo lá chực chim vợ người... Ông giả say giả tỉnh đe dọa sẽ rút xương cốt lười những thằng chim vợ ông. Nhưng giờ đây thì vợ ông lại không tìm những thằng như thằng Ba- Thập để

ngoại tình, mà lại nhè lão Đội phú-lít làng Đái-Khê! Thằng Đội ấy cũng có vai có vẻ lắm, muốn rút xương cắt lưỡi nó cũng chẳng phải ngon lành gì!

Hai hôm sau, ông Quản được tin mẹ vợ bên Cốc-Khê đau nặng. Ông dục vợ về trông nom ngay. Bà Quản thương mẹ mang ít quần áo thay về Cốc-Khê ngay, không kịp báo tin cho ông Đội.

Hôm sau là ngày hẹn với ông Đội ở chỗ miếu hoang, nhưng vì thương mẹ, bà Quản không rút đi được. Bà cũng không thể sai người đi thay.

Ông Đội chờ mãi liền trở về. Về nhà, ông Đội thấy bứt rứt quá... Không hiểu vì lẽ gì mà bà Quản không tới. Hay là ông Quản biết nên cấm vợ không cho đi đâu.

Để giữ ý, sau vài lần gặp gỡ ở miếu hoang, ông Đội không dám tới nhà đưa cháu vợ bên Trương Xá nữa, mà ở nhà mình bên Đái-Khê. Ông hẹn với bà Quản gặp nhau vào những ngày phiên chợ Địa như vậy bà Quản có cớ đi mà không bị phiền hà...

Nhưng hôm nay, không gặp bà Quản, ông sốt ruột vô cùng... Không dần được, khi trời xế chiều, ông nhất định khăn áo sang Trương- Xá tiếng là thăm đứa cháu vợ, nhưng cốt ý dò hỏi xem nhà ông Quản có chuyện gì không. Nhưng cái Tạo cũng không biết gì hết, dù nhà chồng nó ở cách nhà ông Quản chỉ có một ao rau muống và một con đường ngắn.

Ông Đội lại càng sốt ruột hơn. Ngay chiều hôm đó, trước khi về Đái Khê, ông Đội chống ba toong sang chơi bên ông Quản. Lúc đó trời nhá nhem tối, con đường vào nhà ông Quản lại vắng vẻ, đầy cây cối um tùm nên không ai trông thấy...

Nghe tiếng chó sủa, ông Quản nghìn cổ ra thấy ông Đội thì mừng hơn bắt được vàng. Ông vội thân hành ra mở cổng.

Ông Đội chực cất tiếng thì ông Quản đã vội vàng nói:

- Thông thả đã! Vào trong nhà uống chén rượu cho ấm bụng đã... Dạo này gần Tết, lạnh quá...

Thấy thái độ ông Quản vui vẻ, ông Đội

yên tâm theo ông Quân vào trong nhà.

Sau khi an tọa, ông Quân bảo:

- Lâu lắm mới gặp nhau, hôm nay tôi mới cất được ít rượu ngang, ngon lắm... Lại có ít lạc rang húng lìu và mấy con chim rán. Mời ông Đội khề khà với tôi cho vui.

Không phải nói nhiều, ông Đội gật đầu ngay. Ông cũng là con sâu rượu, ngửi thấy mùi rượu thơm, ông cũng điên tiết lên như nhìn thấy gái đẹp.

Hai người ngồi uống rượu nói chuyện chán chê mê mải, nhưng cả hai đều tỉnh như sáo sậu. Ông Quân thấy tình địch của mình không say, dù uống thử rượu nước cốt nạng không kém cồn đốt đèn, thì trong lòng cũng hơi lo... Chủ tâm của ông là muốn phục rượu cho ông Đội say rồi sẽ hành sự. Nhưng địch thủ của ông cũng là thứ hũ chìm... Thật khó nghĩ quá!

Nhưng một mưu kế bỗng loé hiện trong óc ông Quân. Ông bèn giả say lè nhè nói những chuyện cà kê de ngỗng... Và tới khi ông giở chai rượu lên rót vào chén, thấy cạn, liền bảo với ông Đội:

- Rượu ngon thì phải có bạn hiền... Rượu hết chai này, ta phải tìm chai khác!

Ông Đội thấy ông Quản say lão đảo muốn ngã, liền bảo:

- Rượu để đâu, ông để tôi lấy cho...

Giọng ông Quản vẫn lè nhè:

- Rượu... rượu... Tôi cất chỗ này kín lắm... Tây Đoan cũng chịu không thể kiếm được ra... Trời cũng không kiếm được ra... Ông cứ để mặc kệ tôi...

Nói xong, ông Quản chấp choạng đi xuống nhà thờ tổ.

Ông Đội vội vàng đi theo đỡ ông Quản.

Ông Quản giả say thật là khéo, ông Đội cứ đinh ninh là ông ta say thật, nên dùng hết sức mạnh nâng vai ông Quản lên để ông Quản khỏi chúi xuống... Ông Đội cũng giật lấy chai rượu trong tay ông Quản, sợ va chạm bị vỡ...

Khi tới chỗ hương án, ông Quản lấy tay mở các coóc-xê bên ngoài. Ông Quản chui đầu vào, ông Đội cũng chui đầu vào ngó nhưng không thấy gì hết.

Ông Đội vớ cây đèn dầu lạc trên hương án đưa vào trong soi chỉ thấy mấy bó hương, mấy gói trầm, nển vút lỏng chổng...

Ông Đội nói:

- Thôi, ông Quản say quá rồi... Ở đây làm gì có rượu... Chắc ông nhớ lầm rồi...

Nhưng ông Quản chẳng nói chẳng rằng, ông co tay giật tấm liếp dưới đất, hất sang một bên. Một nắp hầm lộ ra trước mắt ông Đội. Ông Đội “à” lên một tiếng đầy vẻ kinh ngạc.

Đây là lần đầu tiên ông biết tại nhà ông Quản có hầm chứa rượu. Từ trước, ông vẫn biết ông Quản có nấu rượu lậu nhưng không biết dấu nơi nào. Thì ra ông Quản đã khôn ngoan quá mức, một mặt thì buôn rượu phong-ten một mặt thì nấu rượu lậu... Nếu hôm nay ông Quản không say, thì làm sao bí mật này bị tiết lộ.

Trong óc ông Đội bỗng quay cuồng một ý-nghĩ: ông sẽ báo lính Đoan thế nào ông Quản cũng đi tù... Bà Quản sẽ về tay ông danh chính ngôn thuận... Chẳng còn hãi sợ gì nữa.

Ông Quản đưa bàn tay run run cầm nắp

hầm nhấc lên. Ông thò chân xuống thang, được vài bước thì ông vớ lấy ngọn đèn pin... Bấm sáng, ông khua khua dưới hầm.

Ông Đội vội vã xuống theo, nhưng không quên bảo ông Quản:

- Ấy cẩn thận, khéo không ngã đấy.

Nhưng ông Quản vẫn lầm lỳ không nói. Ông khua đèn vào mấy chum rượu. Ánh sáng trắng toát từ cây đèn pin loang loáng trước mặt hai người. Bóng sáng đó ngừng trước một chiếc kiệu lớn bên ngoài tráng men gạch cua. Kiệu tuy lớn, nhưng được chôn sâu dưới đất già một nửa, chỉ còn trồi lên nền lồi một thước tây mà thôi. Miệng kiệu lớn bằng chiếc nón trên có nắp bằng sành đặt lại. Nắp này cũng lót lá chuối khô thật kín để rượu khỏi bay hơi.

Ông Quản làm bộ khệ nệ, run rẩy mở chiếc nắp sành.

Hơi rượu tỏa ra ngào ngạt. Ông Đội hít mấy cái, phải công nhận đó là thứ rượu thượng hảo hạng.

Thấy ông Quản say túy lúy, ông Đội liền

tiến lại, nói:

- Thôi, ông để tôi lấy rượu cho...

Nói xong, ông liền thò chai rượu vào trong chum để mức. Nhưng mức rượu hơi thấp, nên ông Đội phải cúi mình xuống...

Tay ông Đội vừa chạm mặt rượu, thì tự nhiên hai chân ông nhẹ bổng. Có người đã cầm hai chân ông dốc ngược. Cả thân hình khỏe mạnh của ông bị mất thăng bằng, chui tọt vào chum rượu... Ông Đội chỉ còn nghe đánh sập một cái, chiếc nắp sành đã đập chặt ở phía trên. Ông dẫy dụa, sặc sụa, kêu la, nhưng không sao thoát được. Rượu mạnh chui vào miệng, vào mũi, vào mắt vào tai ông... Lúc này ông Đội hiểu được dã tâm của ông Quản thì đã muộn rồi...

oOo

Sau khi ma chay cho mẹ, bà Quản từ Cốc Khê trở về Trương-Xá với chồng và con. Bà không được tin tức gì của ông Đội Phú Lít cả. Bà ngạc nhiên không hiểu sao ông Đội lại không cho bà biết tin. Thỉnh thoảng bà mang những bức thư tình của ông Đội ra đọc. Bà Quản được

học tới lớp ba trường làng, tuy văn chương chữ nghĩa chẳng bằng ai nhưng cũng đọc thông viết thạo. Bà dỡ những bức thư viết trên giấy màu xanh thơm thơm mùi nước hoa của ông Đội, lòng dâng lên những cảm xúc mãnh liệt. Lá thư nào cũng bắt đầu bằng những câu văn-chương cổ điển “Thưa quý nương” làm bà thấy bồi hồi. Bà nghĩ tới những buổi sáng tinh mơ cùng ông Đội ân ái ngoài miếu hoang, trên một chiếc chiếu cũ. Bà nhớ từng chiếc mạng nhện chằng ở dưới gầm hương án và những con thạch sùng đuổi nhau trên mái... Những chiếc hôn nồng đượm hết sức văn minh của ông Đội làm bà ngây ngất như lạc vào một thế-giới khác. Rồi những lời nói, lời hứa-hẹn đầy triu mến của ông Đội...

Những lời nói ấy đang thể hiện trên những giòng chữ nắn nót trước mắt làm bà càng thấy buồn tủi... Nước mắt bà bỗng chảy ra, lăn trên hai gò má...

Ông Quân dò xét, biết vợ thường dỡ những lá thư xem, nên ông tìm cách rình chộp cho được. Bà Quân thì vô tình, một hôm bà mở chiếc hòm (rương) da đen là chiếc hòm đem từ

nhà bố mẹ để về nhà chồng thấy quần áo bị lục tung. Mấy lá thư màu xanh của ông Đội biến mất. Bà hốt hoảng lo sợ... Bà biết không thể dấu chồng được nữa. Bây giờ bà mới hiểu rằng ông Quân biết rõ hành vi của bà và ông Đội, nhưng ông không nói ra mà âm thầm chịu đựng sự đau khổ lấy một mình. Càng nghĩ, bà Quân càng nghĩ đến đứa con hối hận, và khi còn nhỏ, bà lại càng thấy hành vi của mình là bỉ ổi...

Một hôm, bà đợi ông Quân tỉnh rượu, liền len lén đến bên cạnh rồi quì xuống chân chồng. Nước mắt bà đầm dề, bà nức nở không nói được lời nào... Ông Quân vẫn giữ vẻ im lặng. Nhìn người đàn bà hư thân mất nết đó lòng ông lại muốn sục sôi. Những hàng chữ bay bướm của ông Đội gửi cho bà Quân như những mũi gai chọc vào đồng tử. Ông quay mặt đi không thèm nhìn người vợ lẳng lơan ấy... Bà Quân càng khóc dữ, bà muốn khóc một lần cho trôi hết những đau khổ chứa chất tự đáy lòng...

Hôm ấy ông Quân lại mang rượu ra uống, uống thật say rồi quay ra ngủ, chẳng thèm ngó ngang gì đến việc buôn bán. Bà Quân phải thay

chồng làm hết các công việc như nhận rượu, ký số và mua chịu cũng như trông cho người làm đóng chai.

Trong lúc tình hình đang căng thẳng, thì đứa con trai của vợ chồng ông Quân bỗng bị bệnh. Thằng bé sốt mê man không còn biết gì nữa. Thế là hai ông bà phải ngày đêm thức bên cạnh đứa con thân yêu. Những nỗi bất hòa nhờ đó giảm đi một phần. Ông Quân sai vợ đi mời cụ lang...

Thằng bé ôm vật vã tưởng chết nhưng tới ngày thứ tám thì bệnh bắt đầu thuyên giảm. Cả hai vợ chồng thay nhau thức suốt tuần, người nào người này đều xanh xao vàng vọt, mắt trũng và quầng thâm. Cả hai tuy không nói ra nhưng họ hiểu rằng không thể bỏ nhau, vì còn đứa con trai, đó là cái gạch nối duy nhất giữa hai người.

Bà Quân thức đêm quá mỏi mệt, bà ngủ gục dưới đất.

Nhìn vợ vật vủ, ông Quân cũng thấy nao nao. Ông vực vợ dậy đặt lên giường. Bà Quân bỗng tỉnh giấc, thấy mình đang nằm trong vòng tay ông Quân, thì nước mắt bỗng trào ra. Hai tay

ôm lấy cổ chồng, bà càng ghen ngào hơn.

Đã mấy tháng trời không gần gũi đàn bà, nay bé vợ trong tay, người vợ tràn trề nhựa sống và năng lực, tự nhiên ông Quân thấy lòng dao động. Ông chếp miệng khẽ một cái, rồi ghi xiết vợ vào mình.

oOo

Bắt đầu từ đó hai vợ chồng ông Quân sống với nhau rất hòa thuận. Ông ít uống rượu, chỉ mỗi ngày một bữa vào lúc chiều tối mà thôi. Ông cũng chẳng cầu kỳ phải có đồ nhắm ngon. Ông uống rượu với một ít trái ổi xanh, một trái mơ chua. Nhưng dù chồng thêu thào, bà Quân cũng chẳng bao giờ chịu để chồng uống rượu một cách xuông tình như vậy. Hôm nào cũng thế, bà Quân thân hành đi chợ mua một cỗ lòng lớn hoặc một cái lưỡi bò cho chồng đưa cay...

Năm sau, bà Quân lại sinh một đứa con trai nữa. Thằng bé giống ông Quân như tạc. Rồi thì năm sau nữa lại đứa con gái ra đời... Cả hai vợ chồng dường như đã quên hết chuyện cũ. Nhìn lũ con, họ chỉ mong sao cho chúng hay ăn chóng lớn để đỡ đàn việc nhà. Để ba lần, lại làm

việc nhiều, bà Quản khi ấy mới có ngoài hai mươi nhưng không còn giữ được những nét kiêu diễm lúc xưa kia... Bận bịu con cái, bà cũng chẳng có thời giờ đâu mà nghĩ vẩn vơ tới những chuyện đã qua. Một đôi khi về làng thăm bố đẻ, đi ngang qua chiếc miếu hoang, bà cũng thoáng nhớ tới những kỷ niệm cũ... Nhưng tất cả đã xa rồi, và bà không còn thắc mắc hay tơ tưởng đến ông Đội Phú-Lít nữa. Ông Đội, theo bà, thì là một tên Sở Khanh...

Không thấy bóng dáng ông Đội, dân làng Đái-Khê và vợ chồng đưa con rể ông Quản cho rằng ông ta đổi vào Sài-goòng, lúc đi vội nên không kịp từ giã họ hàng... Có người lại đoán ông Đội vô làng Tây rồi sang Tân thế giới làm ăn...

Người ta bàn tán đề mà chơi thế thôi, chứ sự thực thì cũng chẳng ai luyện tiếc gì ông Đội. Mặc dù làm việc nhà nước, nói thiên nói tướng, nhưng ông Đội chưa hề giúp đỡ ai được việc gì. Mỗi lần về làng, ông lại ăn báo cô đưa em họ, làm nó phải lo chạy gạo muốn chết!

Năm 1945, ông Quản Bằng nghỉ không

cát rượu nữa. Vào thời gian này nạn đói hoành hành ở Bắc Việt, Hàng vạn người kéo nhau từ các làng mạc xa xôi về tỉnh thành. Những thân hình khô đét run rẩy bầy la liệt khắp chốn. Trong khi đó lúa gạo bị quân đội Nhật thu mua đem đun máy than. Rồi những mẩu ruộng đang phì nhiêu, bị dẹp bỏ thay vào bằng cây đay... Tin từ trong Nam truyền ra: quân Pháp tích trữ được nhiều vàng, đúc thành những đinh bù-loong, sơn đen đi rồi đem xuống tàu chở về Pháp, nhưng chẳng may bị Nhật vớ được liền đem cất đi để làm kinh phí chiến tranh. Mọi người hoang mang không thể tưởng tượng được.

Làng Trương Xá có nhiều người chết đói. Dù rượu nấu bằng gạo, nhưng không ai uống rượu thay cơm. May mắn nhà ông Quản vẫn bình yên. Nhà có kho lúa khá lớn, ông Quản cũng biết đem chia xẻ cho bà con họ hàng. Còn lại một số thóc, ông bán được khá bộn tiền. Ông dùng tiền đó tu sửa lại ngôi nhà thờ, làm gác cho khang trang... Trước khi cát lâu, ông Quản đã khôn ngoan tự tay xây bịt kín miệng hầm lại, Nhờ đó, thợ hồ tới coi lâu đều không hay biết gì cả.

Đầu năm 1946, sau khi Việt-minh nắm chính quyền, ông Quản làm tiệc ăn tân gia, Lúc này ông hách lắm. Ông được bầu làm Chủ tịch ủy ban hành chính làng Xá, tức là một thứ lý trưởng thời Vেম. Đứa con trưởng thì làm Vệ quốc đoàn, và con gái cái Tạo làm đoàn trưởng phụ nữ cứu Quốc. Thật là cả một gia đình cách mạng!

Cuối năm 1946 tình thế giữa Việt-minh và Pháp đã bắt đầu căng thẳng. Nhiều dân thị thành lục đục tản cư về các làng mạc. Ngày 19-12-1946 súng nổ ở Hà-Nội, Pháp và Việt-Minh tuyên chiến thực sự. Từng đoàn người lũ lượt từ các nơi kéo về Hưng-Yên. Máy bay Tây đã bắt đầu bay lượn và một vài nơi bị bỏ bom lửa cháy ngút trời.

Chủ tịch tỉnh Hưng - Yên ra lệnh tiêu thổ kháng chiến.

Đầu năm 1947 các đội binh đem sừng quốc sà beng về tỉnh phá nhà phá cửa, chỉ còn để lại nhà thờ và nấy ngôi chùa miếu. Nhiều ngôi nhà đúc bê tông phải dùng tới mìn mới phá nổi. Lệnh tiêu thổ tuy chưa lan tới các làng nhưng

những ai có nhà gác đều phải hạ xuống còn một tầng. Ông Quân đau xót đứng chỉ huy đám thợ ghè từng viên gạch đem xuống. Ông cho xếp gạch ngay ngắn để chờ yên hàn sẽ xây cất lại...

Khoảng tháng 6 năm 1947, bộ đội chính qui về đóng tại nhà ông Quân. Họ nằm la liệt khắp nhà. Ông Quân không lo gì về căn hầm đó, vì ông đã lấp kín rồi. Nhiều trời lính nhận ông làm bố nuôi, vừa có tuổi lại là người vai vế trong làng... Tuy buồn vì bị phá nhà, nhưng ông cũng tự cho là mình may mắn hơn nhiều người khác.

Bộ đội đóng ở nhà ông Quân chừng một tuần lễ, thì vào một buổi sáng tinh mơ bỗng có một đoàn phi cơ khu trục rần rần bay tới. Không biết ai đã mật báo mà phi cơ vừa tới là xả súng bắn vào nhà ông Quân liền. Lúc đó bộ đội đi tập trận từ đêm chưa về. Ở nhà chỉ có vợ chồng ông Quân, mấy đứa con thì sang bên cái Tọe ngủ từ đêm trước vì ông Quân thấy ở nhà có lính tráng e có điều bất tiện.

Đoàn phi cơ gồm sáu chiếc, nã súng bắn như điên... Rồi những trái bom rơi tả, nồ rầm trời... ông Quân may mắn chạy được ra bờ ao

dìm người xuống nước nên thoát nạn, còn bà Quản thì bị thương ở cổ, máu chảy rằm rề. Bà cố lê ra ngoài nhưng không sao lê được. Một cây sà nhà rơi xuống đè ngang bụng....

Phi cơ thả bom nặng, ngôi nhà thờ bị sập ngay. Chiếc hương án cũng tan tành và nền đất bị thụt sâu xuống. Căn hầm bí mật vì trận bom này đã bật tung lên!

Khi bộ đội tập trận trở về thì cảnh nhà ông Quản chỉ là đồng tro tàn. Người ta vớt bà Quản đi Kim-Động cấp cứu, nhưng mới được nửa đường thì bà trút hơi thở cuối cùng.

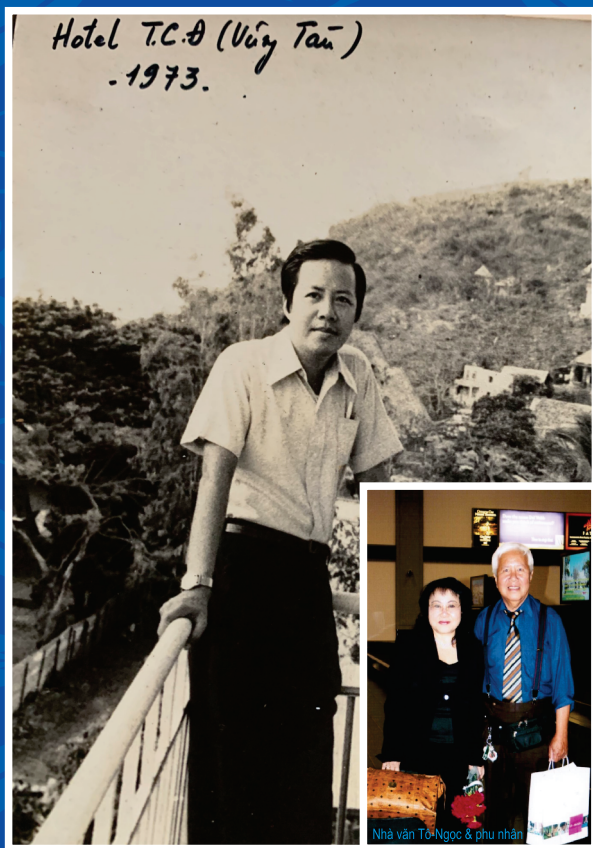
Trong khi dọn dẹp, người ta tìm thấy căn hầm chứa rượu. Có cả thấy 50 chiếc kiệu đã bị mảnh bom và sức ép làm vỡ tan. Khi lục soát các chum, đồng thời người ta cũng phát giác ra một tử thi nằm trong một chum rượu. Tử thi nằm công queo dưới đáy chum, một lớp rượu vừa mấp mé đủ ngâm để tử thi khỏi thối... Lớp rượu đó hơi sanh sánh vì những chất tan mủn của tử thi. Thì ra trong suốt gần 5 năm trời, ông Quản đã uống gần hết chum rượu ngâm xác tình địch của mình!

Mang tử thi ra ngoài, người ta còn nhận ra được chiếc khóa dây lưng và một chiếc nhẫn vàng... Chiếc khóa bằng đồng đã rỉ xanh, còn chiếc nhẫn vàng thì có chạm nổi chữ “Lâm” (chữ Hán) là tên tục của ông Đội Phú-Lít. Riêng chiếc sọ thì có một chiếc răng bịt bạc... Tất cả những chi tiết đó khiến chồng cái Tạo con rể ông Quản nhận ngay là xác ông Đội Phú-Lít, vì ông Đội tên tục là Lâm.

Còn ông Quản thì mất trí ngay khi bom nổ. Ông cười, khóc lung tung beng. Người ta đưa ông lên Kim-Động đề điều tra, nhưng ông đã điên rồi, quan Tòa cũng chẳng làm gì hơn được...

Bọn lính tự vệ giam ông trong một căn nhà thô sơ dùng làm khám đường. Chính lúc tỉnh, ông kể lại chuyện này cho một tù nhân cùng khám nghe. Người tù nhân này sau được tha, và câu chuyện ngọt năm năm uống rượu ngâm xác tình địch của ông Quản đã loan truyền, và trở thành một giai thoại kỳ quặc nhất trong thời kỳ tàn cư...





Nhà văn Tô-Ngọc